

# Mapecfloor Finish 53 W/L

Sơn hoàn thiện aliphatic polyurethane gốc nước hai thành phần, trong suốt, tạo độ bóng trên bề mặt, không chứa NMP, dùng bảo vệ hệ thống sàn gốc nhựa



## PHẠM VI SỬ DỤNG

Nhờ đặc tính công tác tối ưu, dễ thi công, **Mapecfloor Finish 53 W/L** thích hợp dùng làm lớp hoàn thiện cho hệ thống sàn **Mapecfloor System** nhằm tăng cường khả năng chống mài mòn và tạo hiệu ứng sọc thẩm mỹ trên bề mặt.

## Một số ứng dụng điển hình

- Tạo lớp hoàn thiện không màu cho hệ thống sàn gốc nhựa **Mapecfloor System 33** và **Mapecfloor System 53**.

## ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

**Mapecfloor Finish 53 W/L** là sơn hoàn thiện aliphatic polyurethane hai thành phần, trong suốt, tạo độ bóng trên bề mặt, không chứa NMP, có hàm lượng chất hữu cơ bay hơi rất thấp (VOC) và khả năng chống mài mòn cao, được đặc chế tại phòng nghiên cứu và phát triển của MAPEI.

**Mapecfloor Finish 53 W/L** có khả năng chịu dầu khoáng, dung dịch axit và bazơ với nồng độ trung bình chỉ trong một giới hạn thời gian nhất định.

Thi công **Mapecfloor Finish 53 W/L** bằng rulô hoặc máy phun chân không với độ dày từ 60-100  $\mu$ . Khi đóng rắn, sản phẩm giúp tăng cường đặc tính cơ học của bề mặt, đặc biệt là giảm thiểu khả năng thấm nước, tăng khả năng chịu mài mòn và trầy xước cao.

**Mapecfloor Finish 53 W/L** có những đặc tính sau:

- Khả năng chịu mài mòn cao;
- Tạo lớp hoàn thiện không màu với hiệu ứng bóng thẩm mỹ.

## KHUYẾN CÁO

- Không thi công nhiều hơn 100 g/m<sup>2</sup> cho mỗi lớp. Bề mặt có thể không đồng nhất khi thi công với lượng dùng vượt quá quy định.
- Không thi công **Mapecfloor Finish 53 W/L** trên bề mặt bám bụi, dễ vỡ vụn và kém chắc chắn.
- Không thi công **Mapecfloor Finish 53 W/L** trên bề mặt ẩm ướt hoặc bề mặt đã bị bám dầu hoặc mỡ.
- Nếu cần nhiều hơn 1 lớp hoàn thiện, chú ý thi công trong khoảng thời gian chờ tối đa cho phép giữa 2 lớp nhằm đảm bảo độ bám dính tốt nhất sau khi thi công. Nếu vượt quá thời gian trên, cần tiến hành mài nhám cơ học bề mặt lớp cuối cùng trước khi thi công lớp tiếp theo.

## HƯỚNG DẪN THI CÔNG

### Chuẩn bị bề mặt thi công

Sàn nhựa:

**Mapecfloor Finish 53 W/L** có thể được thi công trên sàn nhựa cũ và mới.

Khi thi công trên sàn nhựa mới, cần đảm bảo lớp sàn phải chắc chắn, khô ráo và được thi công không quá 24 tiếng trước đó.

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT (giá trị tiêu biểu)

### ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

	Thành phần A	Thành phần B
Màu sắc:	Trong suốt	Trong suốt
Dạng sản phẩm:	Lông	Lông
Tỷ trọng (g/cm <sup>3</sup> ):	1,03	1,12
Độ nhớt Brookfield (mPa.s):	90 (# 1 - 20 rpm)	390 (# 1 - 10 rpm)
Hàm lượng chất rắn khô (%):	27	70

### THÔNG SỐ THI CÔNG (ở +23°C - 50% R.H.)

Tỷ lệ pha loãng tối đa:	10% với nước sạch
Tỷ lệ trộn:	TP. A : TP. B = 10 : 1
Màu sắc của hỗn hợp:	Trong suốt
Dạng hỗn hợp:	Lông
Hàm lượng chất rắn khô (%) (sau 3 tiếng ở 105°C):	33
Tỷ trọng của hỗn hợp (kg/m <sup>3</sup> ):	1040
Độ nhớt của hỗn hợp (mPa.s):	190 (# 1 - 20 rpm)
Thời gian công tác:	15-20 phút ở +23°C
Nhiệt độ bề mặt:	Từ +12°C đến +30°C
Thời gian cho phép thi công lớp tiếp theo:	Từ 3-5 tiếng
Thời gian cho phép đánh nhám:	Sau 12 tiếng
Thời gian khô bề mặt:	40 phút

### THÔNG SỐ KỸ THUẬT CUỐI CÙNG

Khả năng chịu mài mòn (theo thang Taber) (đĩa CS17 – 1000 g – 1000 revs) (mg):	22
Thời gian khô không bám bụi ở +23°C và 50% R.H.:	40 phút
Thời gian cho phép lưu thông nhẹ ở +23°C và 50% R.H.:	6-7 tiếng
Thời gian đóng rắn hoàn toàn:	12 tiếng ở +23°C
Hệ số bóng:	80

### MAPEFLOOR FINISH 53 W/L trên Mapefloor System 33

Đặc tính công tác	Phương pháp thử	Yêu cầu theo UNI EN 13813 cho lớp vữa láng nền gốc nhựa tổng hợp	Tính công tác của sản phẩm	Phân loại
Khả năng chịu mài mòn BCA (µm):	EN 13892-4	≤ 100	10	AR0,5
Cường độ bám dính (N/mm <sup>2</sup> ):	EN 13892-8; 2004	≥ 1,5	3,43	B2,0
Độ bền va đập (Nm):	EN ISO 6272	≥ 4	20	IR20
Khả năng chịu lửa:	EN 13501-1	Từ A1 <sub>n</sub> đến F <sub>n</sub>	B <sub>n</sub> -s1	B <sub>n</sub> -s1
Chất thải có tính ăn mòn:		Tùy vào loại nhựa		SR

### MAPEFLOOR FINISH 53 W/L trên Mapefloor System 53

Đặc tính công tác	Phương pháp thử	Yêu cầu theo UNI EN 13813 cho lớp vữa láng nền gốc nhựa tổng hợp	Tính công tác của sản phẩm	Phân loại
Khả năng chịu mài mòn BCA (µm):	EN 13892-4	≤ 100	0	AR0,5
Cường độ bám dính (N/mm <sup>2</sup> ):	EN 13892-8; 2004	≥ 1,5	3,14	B2,0
Độ bền va đập (Nm):	EN ISO 6272	≥ 4	20	IR20
Khả năng chịu lửa:	EN 13501-1	Từ A1 <sub>n</sub> đến F <sub>n</sub>	B <sub>n</sub> -s1	B <sub>n</sub> -s1
Chất thải có tính ăn mòn:		Tùy vào loại nhựa		SR
Khả năng thoát hơi nước:	EN ISO 7783-1-2	Loại I: S <sub>p</sub> < 5 m (có khả năng thoát hơi nước); Loại II: 5 m ≤ S <sub>p</sub> ≤ 50 m; Loại III: S <sub>p</sub> > 50 m (không thoát hơi nước)	S <sub>p</sub> = 1,69 m	Loại I

Nếu quá 24 tiếng, cần mài nhám cơ học bằng máy mài có gắn giấy đánh nhám cỡ 80-100 hoặc sử dụng giấy đánh nhám mịn nhằm tăng độ bám dính khi thi công sản phẩm.

Ngược lại, khi thi công **Mapecolor Finish 53 W/L** trên bề mặt cũ, cần đảm bảo bề mặt hoàn toàn sạch sẽ, không dính dầu, mỡ và/hoặc bất kỳ tạp chất khác ảnh hưởng đến sự bám dính của sản phẩm.

Phải đánh nhám toàn bộ bề mặt nhằm đảm bảo khả năng bám dính tuyệt đối của sản phẩm vào bề mặt nền.

### **Trộn sản phẩm**

**Mapecolor Finish 53 W/L** là sản phẩm hoàn thiện gốc polyurethane hai thành phần đã được định lượng sẵn.

Trộn thành phần A vào thành phần B với tỷ lệ 10:1 bằng máy trộn chuyên dụng với tốc độ chậm cho đến khi hỗn hợp đồng nhất.

Khuyến cáo, chỉ nên trộn một lượng sản phẩm vừa đủ thi công trong khoảng thời gian công tác tối đa quy định của sản phẩm.

Nếu cần thi công bề mặt hoàn thiện chống trượt trên **Mapecolor Finish 53 W/L**, cho thêm 5-10% theo trọng lượng **Mapecolor Filler** trong quá trình trộn.

### **Thi công sản phẩm**

Thi công **Mapecolor Finish 53 W/L** bằng rulô hoặc súng phun chân không lên bề mặt sàn nhựa.

Nếu cần thi công lớp tiếp theo, cần đánh nhám lớp cũ bằng máy đánh nhám thích hợp.

### **Vệ sinh**

Vệ sinh dụng cụ thi công bằng nước sạch ngay sau khi sử dụng. Khi sản phẩm đóng rắn, chỉ có thể làm sạch bằng biện pháp cơ học.

### **LƯỢNG DÙNG**

0,1-0,2 kg/m<sup>2</sup> tùy thuộc vào mức độ hoàn thiện yêu cầu.

### **ĐÓNG GÓI**

Thành phần A: can 5 lít hoặc can 10 lít;

Thành phần B: chai 0,5 lít hoặc chai 1 lít.

### **BẢO QUẢN**

12 tháng, nơi khô ráo, được che chắn cẩn thận, ở nhiệt độ từ +12°C đến +25°C.

### **HƯỚNG DẪN AN TOÀN CHUẨN BỊ VÀ THI CÔNG SẢN PHẨM**

**Mapecolor Finish 53 W/L** - Thành phần A không gây nguy hiểm theo các tiêu chuẩn phân loại vữa hiện hành.

**Mapecolor Finish 53 W/L** - Thành phần B gây độc hại khi hít phải, gây dị ứng cho da và mắt nếu vương phải.

Khi thi công sản phẩm, nên đeo găng tay, kính bảo vệ và tuân thủ các chú ý an toàn lao động khi tiếp xúc với các sản phẩm hóa chất. Nếu sản phẩm vương vào da hoặc mắt, rửa nhiều lần bằng nước sạch và đến cơ sở y tế gần nhất. Khuyến cáo, nên thi công trong điều kiện có thông gió tốt. Trong điều kiện thi công có thông gió kém, nên đeo mặt nạ dưỡng khí.

Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng tham khảo Tài liệu an toàn sản phẩm bản mới nhất.

### **CHÚ Ý**

*Những thông số kỹ thuật và hướng dẫn thi công sản phẩm trên đây được đúc kết từ những kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của **Mapei**. Vì vậy, trong mọi trường hợp, nên tuân thủ một cách nghiêm ngặt các hướng dẫn trong Tài liệu kỹ thuật của sản phẩm. Nếu cần hỗ trợ bất kỳ thông tin nào, vui lòng liên lạc với Bộ phận kỹ thuật của **Mapei** để biết thêm chi tiết.*

*Chúng tôi có quyền cải tiến và thay đổi sản phẩm của mình bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo trước.*

*Phiên bản tiếng Việt được dịch lại dựa trên phiên bản tiếng Anh 2099-11-2015.*

**Tất cả các tài liệu tham khảo về sản phẩm được cung cấp theo yêu cầu và ở trang web: [www.mapei.com.vn](http://www.mapei.com.vn)**

# Mapefloor Finish 53 W/L



## Độ bền hóa chất của MAPEFLOOR FINISH 53 W/L

Các loại hóa chất	Nhiệt độ	Thời gian tiếp xúc	Mức độ chịu hóa chất	
			1 = tối thiểu	5 = tối đa
Axetone	20°C	10 giây		5
Giấm	20°C	1 tiếng		5
Dung dịch ammoniac 1%	20°C	1 tiếng		5
Dung dịch ammoniac 10%	20°C	1 tiếng		5
Dung dịch ethanol 90%	20°C	1 tiếng		4
Dung dịch ethanol 10%	20°C	16 tiếng		5
Cà phê	40°C	16 tiếng		3
Tinh dầu ôliu nguyên chất	20°C	16 tiếng		5
Nước cất	20°C	16 tiếng		5
Dung dịch nước muối 15%	20°C	16 tiếng		5

Nghiệm cảm mọi hình thức sao chép bất hợp pháp nội dung và hình ảnh trong tài liệu này.



XÂY DỰNG TƯƠNG LAI

### Công ty TNHH Mapei Việt Nam

**Nhà máy:** Lô 8, Đường số 4, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai  
Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Tel: +84-510-3565801-7 Fax: +84-510-3565800

Email: mapeivn@mapei.com.vn - Website: www.mapei.com.vn

#### Chi nhánh Hà Nội

31/178 Thái Hà, Q. Đống Đa

Tel: +84-4-3928 7924-6

Fax: +84-4-3824 8645

Email: mapeihn@mapei.com.vn

#### Chi nhánh Đà Nẵng

162A Nguyễn Chí Thanh, Q. Hải Châu

Tel: +84-511-3565 001-4

Fax: +84-511-3562 976

Email: mapeidn@mapei.com.vn

#### Chi nhánh T.P Hồ Chí Minh

180/77 Nguyễn Hữu Cánh, Q. Bình Thạnh

Tel: +84-8 3512 1045/6/7-3899 2845

Fax: +84-8 3899 2842

Email: mapeihcm@mapei.com.vn

2099-11-2015 (VN)